

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIM THÀNH
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự Do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2019/HS-ST
Ngày 17-9-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM THÀNH, TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sơn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đào Xuân Tím và ông Nguyễn Ngọc Tuy

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2019, tại Nhà văn hóa khu dân cư A, thị trấn P, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 53/2019/TLST-HS ngày 26 tháng 8 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2019/QĐXXST-HS ngày 06/9/2019, đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T, sinh năm 1984; nơi sinh, nơi đăng ký thường trú, nơi ở: Thôn B, xã N, huyện K, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Xuân T và bà Nguyễn Thị L; tiền sự: Không; tiền án: Có hai tiền án. Tại bản án số: 131/2006/HSST ngày 27/7/2006, Nguyễn Văn T bị Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương xử phạt 07 năm tù về tội Cướp tài sản. Tại bản án số: 125/2006/HSST ngày 29/12/2006, Nguyễn Văn T bị Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xử phạt 06 năm 06 tháng về tội Cướp tài sản và 02 năm 06 tháng về tội Cướp giật tài sản. Tổng hợp hình phạt của hai tội và 07 năm tù của bản án số: 131/2006/HSST ngày 27/7/2006 của TAND thành phố Hải Dương, Nguyễn Văn T phải chấp hành hình phạt chung là 16 năm tù (*Bản án số: 125/2006/HSST xét xử đối với Nguyễn Văn T về hành vi phạm tội thực hiện trước ngày 27/7/2006*). Ngày 22/9/2017, T chấp hành xong hình phạt tù của bản án;

Bị cáo bị tạm giữ tại Nhà tạm giữ - Công an huyện Kim Thành từ ngày 13/6/2019, chuyển tạm giam tại Trại tạm giam Kim Chi - Công an tỉnh Hải Dương từ ngày 14/6/2019 đến nay; có mặt.

- *Bị hại*: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1962; nơi cư trú: Thôn C, xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Chị Hoàng Thị A, sinh năm 1985; nơi cư trú: Thôn Q, xã N, huyện K, tỉnh Hải Dương; vắng mặt.

- *Người làm chứng*: Cụ Phạm Thị H, sinh năm 1938; nơi cư trú: Thôn P 1, xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 12/6/2019, Nguyễn Văn T điều khiển xe máy nhãn hiệu Jiulong, đeo biển số: 34K1-xxxx (xe do bị cáo T mượn của chị Hoàng Thị A) đi chơi về qua cổng nhà cụ Phạm Thị H. Bị cáo nhìn thấy nhà cụ H mở cổng, chiếc xe đạp điện nhãn hiệu YAMAHA của bà Nguyễn Thị L (là con gái của cụ H) dựng ở sân nhà cụ H, không có người trông giữ, bị cáo T nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe đạp điện trên bán lấy tiền ăn tiêu. Bị cáo T điều khiển xe máy đi qua cổng nhà cụ H khoảng 70 mét rồi dựng xe ở rìa đường. Sau đó, đi bộ quay lại vào trong sân nhà cụ H, thấy chìa khóa điện vẫn cắm ở ổ khóa của xe đạp điện, bị cáo dắt chiếc xe đạp điện trên lùi ra ngoài đường, mở khóa điện và điều khiển xe đi đến bụi cỏ gần cổng nghĩa trang liệt sỹ xã K cất giấu. Bị cáo T rút chìa khóa của xe đạp điện ra đút vào trong túi quần đang mặc rồi nhổ cỏ phủ trùm lên xe. Sau đó, bị cáo đi bộ quay lại vị trí dựng xe thì thấy nhiều người dân đang đứng ở đó. Bị cáo sợ bị phát hiện nên không dám đến lấy xe máy. Chiếc chìa khóa xe đạp điện trộm cắp được, bị cáo làm rơi lúc nào không biết nên cũng không lấy được xe đạp điện ở vị trí cất giấu. Bị cáo đi bộ về nhà ngủ. Đến sáng ngày 13/6/2019, bị cáo đến Công an huyện Kim Thành **tự thú** hành vi phạm tội của mình và khai nơi cất giấu chiếc xe đạp điện đã trộm cắp của bà L. Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Kim Thành đã tiến hành quản lý chiếc xe trên.

Tại bản Kết luận của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Kim Thành ngày 13/6/2019 kết luận: Chiếc xe đạp điện nhãn hiệu YAMAHA trị giá 2.400.000 đồng.

Ngày 12/6/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Kim Thành tiến hành quản lý chiếc xe máy nhãn hiệu Jiulong, đeo biển số: 34K1- xxxx trong quá trình khám nghiệm hiện trường.

Quá trình điều tra, bị cáo T khai nhận về hành vi như nêu trên.

Tại bản cáo trạng số: 50/CT-VKS ngày 23/8/2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội Trộm cắp tài sản. Áp dụng: Khoản 1 Điều 173, điểm r, s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 12 tháng đến 15 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ 13/6/2019. Về các biện pháp tư pháp: Áp dụng khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trả lại cho chị Hoàng Thị A 01 xe mô tô có số khung: VTMPCH0022T008031; số máy: VTMZS152FMH00006741, đeo biển số: 34K1-xxxx. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí và Lệ phí; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo T khai nhận hành vi phạm tội của mình và đề nghị Tòa án giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử là hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo Nguyễn Văn T tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, vật chứng thu giữ được và phù hợp với các tài liệu khác có tại hồ sơ. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 12/6/2019, tại sân nhà của cụ Phạm Thị H ở thôn P 1, xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương, bị cáo Nguyễn Văn T đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 chiếc xe đạp điện nhãn hiệu Yamaha trị giá 2.400.000 đồng của bà Nguyễn Thị L.

[3] Bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là trái pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Như vậy, đã có đủ căn cứ kết luận bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội phạm trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm hại đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, làm mất trật tự trị an xã hội, gây tâm lý lo sợ mất tài sản trong quần chúng nhân dân. Bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở của người khác, lén lút thực hiện hành vi trộm cắp tài sản để lấy tiền ăn tiêu. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, bị cáo đã bị kết án, chưa được xóa án tích mà

lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý, nên phải chịu tình tiết tăng nặng là tái phạm được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo ra tự thú về hành vi phạm tội; quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm r, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5] Xét tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn, cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người lương thiện, có ích cho xã hội.

[6] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có công việc, thu nhập ổn định, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về các biện pháp tư pháp: Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Kim Thành quản lý chiếc xe đạp điện nhãn hiệu YAMAHA, sau đó đã trả lại cho bị hại là bà Nguyễn Thị L. Đối với chiếc chìa khóa xe đạp điện, bị cáo T làm mất, không thu hồi được. Bà L không yêu cầu bị cáo T phải bồi thường thiệt hại nên Tòa án không đặt ra việc giải quyết. Ngoài ra, Cơ quan điều tra quản lý 01 chiếc xe máy đeo biển số: 34K1- xxxx. Bị cáo khai, xe do bị cáo mượn của chị Hoàng Thị A. Chị Hoàng Thị A khai chiếc xe máy này, chị mua của một người không rõ địa chỉ, khi mua có đăng ký xe nhưng chị A đã làm mất đăng ký. Kết quả giám định thể hiện biển số: 34K1- xxxx là biển số thật; xe máy nhãn hiệu Jiulong có số khung, số máy là số nguyên thủy của nhà sản xuất đóng. Kết quả tra cứu không tìm thấy dữ liệu tra cứu theo chỉ tiêu tìm kiếm thông tin theo số khung, số máy của chiếc xe máy trên; biển số: 34K1- xxxx đăng ký chủ xe là ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1963, địa chỉ: Xã C, huyện K, tỉnh Hải Dương. Ông Nguyễn Văn T khai năm 2002, ông có chiếc xe máy đăng ký biển số: 34K1- xxxx mang tên ông, sau đó ông đã bán cho anh Đào Quang Tr, sinh năm 1986 ở cùng xã. Anh Tr khai sau khi mua xe của ông T, anh Tr đã bán cho một người không rõ địa chỉ. Chiếc xe trên là tài sản của chị Hoàng Thị A nên Tòa án trả lại cho chị Hoàng Thị A.

[8] Về án phí: Bị cáo bị kết luận phạm tội nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm r và s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 3 Điều 106, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội Trộm cắp tài sản.

2. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 13 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ 13/6/2019.

3. Về các biện pháp tư pháp: Trả lại cho chị Hoàng Thị A 01 xe mô tô có số khung: VTMPCH0022T008031; số máy: VTMZS152FMH00006741, đeo biển số: 34K1-xxxx.

(Vật chứng được bảo quản tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương, có đặc điểm theo như Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản lập ngày 09/9/2019 giữa Công an huyện Kim Thành và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Thành).

4. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ tuyên án sơ thẩm; bị hại có quyền kháng cáo bản án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương;
- Trại tạm giam Kim Chi - Công an tỉnh Hải Dương;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương;
- Cơ quan Thi hành án hình sự - Công an huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, hồ sơ thi hành án hình sự, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Sơn